

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 09/2022/ST-HNGĐ
Ngày 22 - 7 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Kim Đào;

2. Lương Thị Thùy Dương

- *Thư ký phiên tòa:* Nguyễn Trí Diện- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, tham gia phiên tòa:* Ông Lê Duy Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ: Số 45-Lê L, thành phố Đ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Khu phố p, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Anh Hồ Sỹ T, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Khu phố Z, phường Đông X, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2022, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị H (Sau đây viết tắt là: chị H), trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 12/3/2019, chị H với anh Hồ Sỹ T, sinh năm: 1991; địa chỉ: Khu phố B, phường Đông T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Sau đây viết tắt là: anh T) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân do tính tình không hợp; anh T nhiều lần phát ngôn và hành động đối với chị H thiếu chuẩn mực nên kể từ tháng 4/2019 chị H phải trở về sống với bố mẹ đẻ tại thị trấn C, huyện C,

tỉnh Quảng Trị cho đến nay. Cũng từ đó đến nay, chị H với anh T đã bỏ mặc nhau, mỗi bên tự lo toan cuộc sống của mình nên chị H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho Chị được ly hôn anh T.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị H anh T có 01 con chung là cháu Hồ Sỹ T, sinh ngày 09/9/2019, cháu T hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] *Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 05/4/2022, bị đơn là anh Hồ Sỹ T, trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T đồng ý thuận tình ly hôn chị H.

- *Về con chung*: Anh T thừa nhận chị H trình bày đúng sự thật và anh T cũng có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã 02 lần tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

3.1. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

3.2. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng cải thiện, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

- **Về con chung**: Chị H và anh T đều có đủ các điều kiện cơ bản để nuôi con, anh T vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết con chung của chị H.

- Về tài sản chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Quan hệ tranh chấp*: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh T và giải quyết vấn đề con chung. Đối với tài sản chung, Chị và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, quan hệ tranh chấp giữa chị H với anh T trong vụ án này là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Thẩm quyền*: Anh T là bị đơn trong vụ án, hiện đang cư trú tại phường Đông X, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đ thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị H là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Xét xử vắng mặt bị đơn*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh T đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị H nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 246 của Bộ luật Tố tụng mà phải xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Xem xét tình trạng hôn nhân giữa chị H với anh T, thấy:

Chị H với anh T đăng ký kết hôn ngày 12/3/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tình yêu tự nguyện của hai bên. Do đó, hôn nhân giữa chị H với anh T là hợp pháp.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Do tính tình không hợp và anh T phát ngôn và hàng động đối với chị H thiếu chuẩn mực nên kể từ tháng 4/2019 đến nay chị H với anh T đã bỏ mặc nhau, mỗi người sống mỗi nơi, mỗi bên tự lo toan cuộc sống của mình, anh T 02 lần vắng mặt tại phiên hòa giải, việc vắng mặt tại phiên hòa giải đã thể hiện ý thức “Bỏ mặc tình trạng hôn nhân”. Hơn nữa, anh T cũng T tình ly hôn với chị H nên có đủ cơ sở để xác định: Tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H, anh T đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ

khoản 1 Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

2.2. *Về con chung*: Chị H cũng như anh T đều có nguyện vọng nuôi con sau khi ly hôn và có đủ các điều kiện cơ bản để nuôi con. Tuy nhiên, anh T vắng mặt tại phiên tòa nên chấp nhận yêu cầu giải quyết con chung của chị H.

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

2.3. *Về tài sản chung*: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 1 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Hồ Sỹ T.

Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2019 do Ủy ban nhân dân phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 12 tháng 3 năm 2019, chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hồ Sỹ T, sinh ngày 09/9/2019.

Anh Hồ Sỹ T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Hồ Sỹ T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số CC/2021/0000187 ngày 24/3/2022 của Chi cục thi hành án

Dân sự thành phố Đông Hà. (Chị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm).

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị H có quyền kháng bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/7/2022).

Anh Hồ Sỹ T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Chi cục THADS T.P Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Huy